

Số: 03/2018/QĐST-DS

*Bắc Quang, ngày 07 tháng 11 năm 2018*

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

**V/v: Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án.**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

***Thành phần giải quyết việc dân sự:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Đỗ Hải Hà

*Thư ký phiên họp:* Ông Chúng Minh Duân - Thư ký Tòa án

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên họp:* Bà Phạm Thị Mai Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 02/2018/TLST-VDS, ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc "Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2018/QĐST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2018/QĐST-DS, ngày 23 tháng 10 năm 2018, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Lê Quang Trọng - Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn V, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Bùi Duy Khánh - Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn V, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang (Theo Văn bản ủy quyền ngày 06/11/2018).

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1969. Trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

- Ông Hoàng Đình T, sinh năm 1963. Trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; Đơn vị công tác: Hạt kiểm lâm huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1989

- Anh Đình Trường H

Điều công tác tại: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh H.

- Anh Đào Thanh D, sinh năm 1967

- Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1968

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975

- Anh Hoàng Đình Tr, sinh năm 1992

Điều trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang

### **NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

Theo Bản án số: 04/2016/DS-ST ngày 21/6/2016 (đã được sửa đổi thành Bản án số: 05/2016/DS-ST theo Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án số: 01/2016/QĐ-TA ngày 18/7/2016) của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang; Bản án số: 13/2016/DS-PT ngày 29/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang; Quyết định thi hành án chủ động số: 05/QĐ-CCTHA ngày 03/10/2016, Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 03/QĐ-CCTHADS ngày 21/10/2016; Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án số: 02/QĐ-CCTHADS ngày 12/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang- tỉnh Hà Giang đối với người phải thi hành án là bà Đỗ Thị H; hiện còn phải thi hành các khoản: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, số tiền: 6.850.000đ (*Sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*); Thanh toán cho chị Nguyễn Thị H số tiền: 207.000.000đ (*Hai trăm linh bảy triệu đồng*) và lãi suất. Quá trình giải quyết vụ việc, ngày 13/7/2017 Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án đối với bà Đỗ Thị H theo thủ tục tố tụng dân sự gồm: 01 xe máy biển kiểm soát: 23D1- 151.81; Quyền sử dụng đất diện tích 157.5m<sup>2</sup> và Quyền sử dụng đất diện tích khoảng 160m<sup>2</sup> đất trồng màu có tài sản gắn liền với đất: 01 nhà sàn tại tổ x- thị trấn V- huyện B- tỉnh Hà Giang. Tại Quyết định số: 03/2017/QĐDS- ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang; Quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự số: 04/2017/QĐPT-DS ngày 13/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của Chấp hành viên, không chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang xác định căn nhà sàn tại tổ x, thị trấn V, huyện B thuộc quyền sở hữu tài sản của bà Đỗ Thị H. Quá trình tổ chức thi hành, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang đã ban hành kế hoạch cưỡng chế thi hành án để tiến hành cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án bà Đỗ Thị H để đảm bảo thi hành án; Tuy nhiên, quyền sử dụng đất diện tích

157.5m<sup>2</sup> bị kê biên lại có tài sản của người khác nằm trên đất bị kê biên nhưng chưa xác định được chủ sở hữu để thông báo về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 113 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Vì vậy Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang đã tạm dừng việc cưỡng chế thi hành án để tiếp tục xác minh, làm rõ về quyền sở hữu, sử dụng tài sản là ngôi nhà sàn; Kết quả xác minh cho thấy:

- Tại biên bản giải quyết, xác minh thi hành án ngày 04/7/2018, ông Nguyễn Thanh C; Địa chỉ: thôn K- xã Đ- huyện B- tỉnh Hà Giang đã khẳng định chính ông Hoàng Đình T là người nhờ mua gỗ làm xà nhà, đòn tay, bộ gỗ mái trên và ông T, bà H là người trực tiếp thanh toán tiền gỗ cho ông Nguyễn Thanh C vào năm 2016.

- Tại biên bản xác minh điều kiện thi hành án ngày 06/7/2018, đại diện chính quyền địa phương khẳng định ông Hoàng Đình T và bà Đỗ Thị H có tài sản chung là nhà sàn 3 gian 2 trái, có diện tích 165.1m<sup>2</sup> và công trình phụ trợ nằm trên một phần quyền sử dụng đất của anh Đào Thanh D và chị Hoàng Thị T.

Do đó căn cứ khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; khoản 9 Điều 27 Bộ Luật tố tụng dân sự, tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự (sửa đổi, bổ sung) ngày 24/08/2018, người yêu cầu là ông Lê Quang Trọng - Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giangà Giang yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xác định phần quyền sở hữu tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án đối với bà Đỗ Thị H; Địa chỉ: tổ x- thị trấn V- huyện B- tỉnh Hà Giang theo thủ tục tố tụng dân sự, khối tài sản chung bao gồm: 01 (một) nhà sàn 3 gian 2 trái, có diện tích 165.1m<sup>2</sup>, được làm bằng gỗ tra, nghiêng, xoan, mỡ, sến, dổi, mái lợp tôn, sàn lát tre và công trình phụ rộng khoảng 20m<sup>2</sup> xây bằng gạch chỉ, tiếp giáp với phần trong của ngôi nhà sàn; 02 (hai) cột trụ cổng và 01 (một) bộ cổng bằng inox kiên cố ở phía tiếp giáp đường quốc lộ II.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang nhận định:

[1] Tại các biên bản xác minh với các hộ dân sinh sống gần gia đình bà Đỗ Thị H; các biên bản xác minh với tổ trưởng tổ dân phố x và chính quyền địa phương nơi bà Đỗ Thị H sinh sống; biên bản lấy lời khai của anh Đào Thanh D và chị Hoàng Thị T là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là hộ dân sinh sống gần gia đình bà Đỗ Thị H (Từ bút lục 125 đến bút lục 136) đã thể hiện: Trước đây gia đình bà Đỗ Thị H sinh sống trong căn nhà tạm lợp proximang, nhưng cách đây khoảng 2 năm (vào khoảng thời gian cuối năm 2016) vợ chồng bà Đỗ Thị H, ông Hoàng Đình T đã tháo dỡ nhà tạm này đi và

thuê thợ xây dựng căn nhà sàn và công trình phụ trợ như hiện nay. Con trai bà H là anh Hoàng Đình Tr thời gian đó vẫn đang đi học không có thu nhập, con gái bà H là chị Hoàng Thị T đã đi lấy chồng trước thời điểm làm nhà. Sau khi dựng xong nhà sàn và công trình phụ, vợ chồng bà H và con trai là Hoàng Đình Tr sinh sống tại căn nhà sàn, vợ chồng con gái, con rể bà H công tác tại Văn phòng UBND tỉnh H nên không sống ở căn nhà sàn này. Đến giáp tết Nguyên Đán năm 2017 (đầu năm 2018 dương lịch) vợ chồng bà H làm thêm cổng bằng Inox phía bên ngoài ngôi nhà sàn. Tại biên bản xác minh với ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1958, trú tại thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang (bút lục 137), ông Nguyễn Thanh C cung cấp thông tin: vợ chồng bà H, ông T làm nhà sàn vào khoảng năm 2016. Quá trình làm nhà sàn, ông C là người mua hộ vợ chồng bà H toàn bộ gỗ mỡ để làm xà nhà, đòn tay, bộ gỗ mái trên đồng thời thuê xe chở gỗ từ thôn K, xã Đ, huyện B đến gia đình bà H ở tổ x, thị trấn V, huyện B. Với tổng chi phí cả tiền gỗ lẫn tiền thuê xe hết 9.750.000đ (Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), ông T và bà H trực tiếp thanh toán số tiền này cho ông C tại nhà bà H.

[2] Ngày 05/10/2018 Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đến nơi có tài sản để xem xét, thẩm định. Tại buổi xem xét, thẩm định, do gia đình bà H không hợp tác, đã khóa cổng và cửa nhà nên không đo đạc được diện tích cũng như không xem xét được phía bên trong ngôi nhà và công trình phụ. Đoàn thẩm định đứng bên ngoài để quan sát, mô tả, chụp ảnh, đo đạc cổng và lập biên bản về việc thẩm định. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/10/2018, ảnh chụp kèm theo biên bản (Bút lục 205 đến bút lục 213) thể hiện: tại nơi ở của bà Đỗ Thị H có 01 nhà sàn được làm bằng gỗ, mái lợp tôn nằm ở phía bên phải theo hướng Tuyên Quang - Hà Giang. Phía bên ngoài nhà sàn (giáp hành lang đường Quốc lộ II) có 01 cổng bằng Inox, 02 trụ xây bằng gạch, có kích thước vuông 60 x 60 cm, cao 2,27 m, phía mặt ngoài trụ cổng ốp bằng gạch 30 x 60 cm và các mặt còn lại trát bằng vữa xi măng; 02 Cánh cổng bằng inox được hàn liên kết nhau, có kích thước 2,6 x 2,6 m, có chiều cao và chiều rộng bằng nhau; 01 hàng rào xây cạnh trụ cổng dài 0,65 m và cao 2,2 m được xây bằng gạch. Phía sau nhà sàn là công trình phụ trợ tường xây bằng gạch, mái lợp proximang, xà gỗ gỗ.

[3] Xét thấy các tài liệu chứng cứ có liên quan hiện đang có trong hồ sơ việc dân sự thụ lý số 05/2017/TLST-DS ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, ngày 20/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã mở phiên họp và ban hành Quyết định số: 03/2017/QĐDS - ST. Do có kháng cáo nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã chuyển toàn bộ hồ sơ lên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang giải quyết theo thẩm quyền. Hiện hồ sơ đang được lưu trữ tại Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang. Ngày 09/10/2018 Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang có công văn số 01/2018/CV-TA đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang sao lục các tài liệu có trong hồ sơ gồm: Biên bản xác minh ngày 19/7/2017, Bản thanh toán lương tháng 7 năm 2017, Biên bản thẩm định tài sản ngày 08/8/2017 + Sơ đồ thửa đất, Biên bản xem xét, thẩm định tài sản ngày 24/8/2017 + Sơ đồ thửa đất. Tại biên bản xem xét, thẩm định tài sản ngày 24/8/2017 (Từ bút lục

137h đến bút lục 137p) đã thể hiện: tại nơi ở của bà Đỗ Thị H có một căn nhà sàn có diện tích 165,1m<sup>2</sup>, được làm bằng gỗ trai, nghiêng, xoan, mỡ, sến, dổi, mái lợp tôn, sàn lát tre và công trình phụ trợ, trong đó: một phần ngôi nhà sàn có diện tích 23,4m<sup>2</sup>, kèo, cột làm bằng gỗ, mái lợp tôn, sàn lát tre dựng trên hai cột chính và hai cột hiên cầu thang và cổng bung bằng ván cốt pha cũ, được làm trên phần diện tích 31,5m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 108, bản đồ địa chính (tỷ lệ 1/500) thị trấn V, địa chỉ thửa đất tại tổ x (trước đây là tổ y, khu phố N), thị trấn V, huyện B đã được UBND huyện Bắc Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 085347 theo Quyết định số 2511/QĐ-UB ngày 19/10/2005 cho ông Hoàng Đình T và bà Đỗ Thị H; một phần nhà sàn có diện tích 141,7m<sup>2</sup>, kèo, cột, vách bung, cửa sổ, cửa chính làm bằng gỗ, mái lợp tôn, sàn lát tre dựng trên 22 cột chính, một cột phụ chân cầu thang và công trình phụ trợ làm trên diện tích đất khoảng 208m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm khác, thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 108, bản đồ địa chính (tỷ lệ 1/500) thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang, địa chỉ thửa đất tại tổ x (trước đây là tổ y, khu phố N), thị trấn V, huyện B, đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AD999024, theo Quyết định số 1993/QĐ-UB ngày 09/8/2006 cho anh Đào Thanh D và chị Hoàng Thị T.

[4] Tại các Biên bản về việc xác minh điều kiện thi hành án ngày 31/10/2016 và ngày 01/03/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang (bút lục 28 và bút lục 50), bà Đỗ Thị H trình bày: ngôi nhà sàn đã được dựng từ năm 2008 tại xã H do ông nội bên chồng bà H dựng lên, đến tháng 4/2016 con gái bà H là chị Hoàng Thị T và con rể bà H là anh Đình Trường H vận chuyển ra và dựng lại tại tổ x, thị trấn V, huyện B, bà H chỉ là người ở cùng và trông nhà cho con gái, con rể; ngày 25/09/2018 bà H lại có ý kiến nhà sàn gia đình bà đang ở là tài sản thuộc quyền sở hữu của chồng bà là ông Hoàng Đình T (Bút lục số 168). Tuy nhiên, bà H không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho phần trình bày của mình. Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án đã thông báo thụ lý việc dân sự, triệu tập những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Đình T, chị Hoàng Thị T, anh Đình Trường H, anh Hoàng Đình Tr để tham gia tố tụng nhưng tất cả đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì và cũng không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

[5] Từ những nhận định trên thấy rằng, ngôi nhà sàn, công trình phụ trợ, cổng bằng Inox phía bên ngoài ngôi nhà sàn nêu trên được bà Đỗ Thị H, ông Hoàng Đình T tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của ông bà và ông bà là người trực tiếp quản lý, sử dụng cho đến nay. Do đó đây là tài sản chung của bà Đỗ Thị H và ông Hoàng Đình T theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản của bà Đỗ Thị H trong khối tài sản chung với ông Hoàng Đình T, khối tài sản chung bao gồm: 01 (một) nhà sàn có diện tích 165.1m<sup>2</sup>, được làm bằng gỗ trai, nghiêng, xoan, mỡ, sến, dổi, mái lợp tôn, sàn lát tre; công trình phụ tiếp giáp với phần trong của ngôi nhà sàn; 02 (hai) cột trụ cổng và 01 (một) bộ cổng bằng inox kiên cố ở phía tiếp giáp đường quốc lộ II là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Xét nguồn gốc hình thành khối tài sản chung nêu trên giữa bà Đỗ Thị H và ông Hoàng Đình T thấy rằng ông T, bà H tạo lập được tài sản do lao động, ông T là cán bộ có mức thu nhập ổn định từ lương, tại biên bản xác minh với Hạt kiểm lâm huyện Q, tỉnh Hà Giang ngày 19/7/2017 (cơ quan nơi ông T công tác) và bảng thanh toán lương tháng 7/2017 do Hạt kiểm lâm huyện Q cung cấp, mức lương của ông Hoàng Đình T là 15.704.300đ/ tháng, còn bà H làm công việc nhà và chăn nuôi nhỏ có mức thu nhập khoảng từ 2.000.000 đ/ tháng đến 3.000.000đ/tháng. Xét về thu nhập thực tế và lao động của bà Đỗ Thị H trong gia đình cũng được coi là lao động có thu nhập thì công sức đóng góp của bà Đỗ Thị H trong khối tài sản chung ít hơn ông Hoàng Đình T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy có đủ căn cứ để xác định phân quyền sở hữu tài sản của bà Đỗ Thị H là 2/5 giá trị trong khối tài sản chung với ông T.

[7] Về lệ phí: Chấp hành viên không phải chịu lệ phí theo quy định tại khoản 3 Điều 75 Luật số: 64/2014/QH13, ngày 25/11/2014 của Quốc hội. Về chi phí xem xét thẩm định: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 1.000.000đ (Một triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tài sản.

[8] Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu, việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm ra quyết định giải quyết việc dân sự đúng quy định của pháp luật; đề nghị Toà án áp dụng Điều 33, khoản 2,3 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang. Chia cho bà Đỗ Thị H được hưởng 2/5 và ông Hoàng Đình T được hưởng 3/5 giá trị đối với khối tài sản chung: 01 (một) nhà sàn có diện tích 165.1m<sup>2</sup>, được làm bằng gỗ trai, nghiêng, xoan, mỡ, sến, dổi, mái lợp tôn, sàn lát tre; công trình phụ tiếp giáp với phần trong của ngôi nhà sàn; 02 (hai) cột trụ cổng và 01 (một) bộ cổng bằng inox kiên cố ở phía tiếp giáp đường quốc lộ II. Về phần lệ phí và chi phí tố tụng khác đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: khoản 9 Điều 27, Điều 371, 372 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 74, khoản 3 Điều 75 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; khoản 1 Điều 33, khoản 2, 3 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Bà Đỗ Thị H được hưởng 2/5 và ông Hoàng Đình T được hưởng 3/5 tài sản chung là:

+ 01 (một) ngôi nhà sàn có diện tích 165,1m<sup>2</sup>, được làm bằng gỗ trai, nghiêng, xoan, mỡ, sến, dổi, mái lợp tôn, sàn lát tre và công trình phụ trợ tường xây bằng gạch, mái lợp proximang, xà gồ gỗ tiếp giáp với phần trong của ngôi nhà sàn, trong đó: một phần ngôi nhà sàn có diện tích 23,4m<sup>2</sup>, kèo, cột làm bằng gỗ, mái lợp tôn, sàn lát tre dựng trên hai cột chính và hai cột hiên cầu thang và công bung bằng ván cốt pha cũ, được làm trên phần diện tích 31,5m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 108, bản đồ địa chính (tỷ lệ 1/500) thị trấn V, địa chỉ thửa đất tại tổ x (trước đây là tổ y, khu phố N), thị trấn V, huyện B đã được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 085347 theo Quyết định số 2511/QĐ-UB ngày 19/10/2005 cho ông Hoàng Đình T và bà Đỗ Thị H; một phần nhà sàn có diện tích 141,7m<sup>2</sup>, kèo, cột, vách bung, cửa sổ, cửa chính làm bằng gỗ, mái lợp tôn, sàn lát tre dựng trên 22 cột chính, một cột phụ chân cầu thang và công trình phụ trợ làm trên diện tích đất khoảng 208m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm khác, thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 108, bản đồ địa chính (tỷ lệ 1/500) thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang, địa chỉ thửa đất tại tổ x (trước đây là tổ y, khu phố N), thị trấn V, huyện B, đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AD999024, theo Quyết định số 1993/QĐ-UB ngày 09/8/2006 cho anh Đào Thanh D và chị Hoàng Thị T.

+ 01 (một) cổng bằng Inox phía bên ngoài nhà sàn (giáp hành lang đường Quốc lộ II), 02 trụ xây bằng gạch, có kích thước vuông 60 x 60 cm, cao 2,27 m, phía mặt ngoài trụ cổng ốp bằng gạch 30 x 60 cm và các mặt còn lại trát bằng vữa xi măng; 02 Cánh cổng bằng inox được hàn liên kết nhau, có kích thước 2,6 x 2,6 m, có chiều cao và chiều rộng bằng nhau; 01 hàng rào xây cạnh trụ cổng dài 0,65 m và cao 2,2 m được xây bằng gạch.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự không phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Người yêu cầu;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS H.Bắc Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Đỗ Hải Hà**